



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

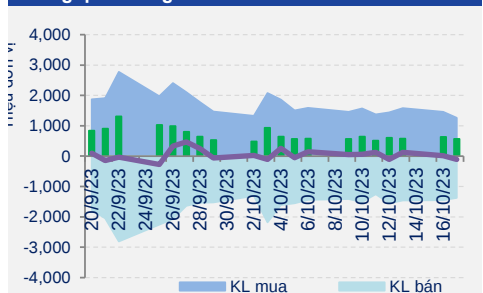
17/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

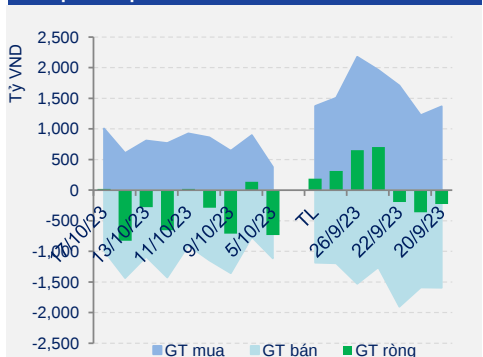
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,121.65	230.03
% Thay đổi	↓ -1.73%	↓ -2.72%
KLGD (CP)	570,620,196	94,959,741
GTGD (tỷ đồng)	13,606.25	2,008.74
Tổng cung (CP)	1,377,708,324	146,761,400
Tổng cầu (CP)	1,265,411,493	113,422,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,682,808	596,795
KL mua (CP)	31,599,826	3,035,370
GT mua (tỷ đồng)	1,008.18	108.75
GT bán (tỷ đồng)	988.60	17.79
GT ròng (tỷ đồng)	19.58	90.95

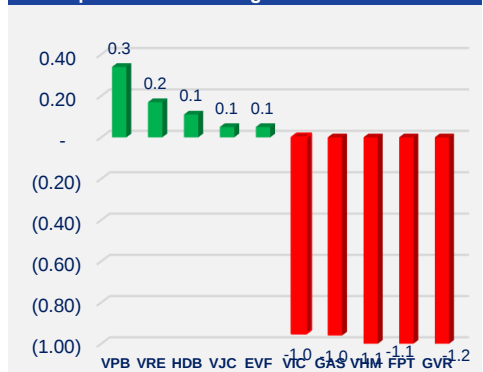
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX sau phiên giảm điểm đã phục hồi kiểm tra lại vùng giá gần kháng cự 1.150 điểm với thanh khoản ở mức rất thấp trong phiên giao dịch sáng. Sau đó áp lực điều chỉnh gia tăng dần với thanh khoản gia tăng kém tích cực và bất ngờ chịu áp lực bán đột biến mạnh trong phiên giao dịch ATC. Kết phiên VN-INDEX giảm mạnh hơn 19,77 điểm (-1,73%) về mức 1.121,65 điểm. HNX-INDEX giảm mạnh hơn 6,43 điểm (-2,72%) về mức 230,03 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với áp lực điều chỉnh áp đảo khi có 497 mã giảm giá (35 mã giảm sàn), 154 mã tăng giá (15 mã tăng trần) và 122 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 15.615 tỷ đồng được giao dịch, giảm 10,58% so với phiên trước, vẫn dưới mức trung bình, thể hiện điểm số giảm mạnh chủ yếu do áp lực bán khá bất ngờ trong phiên giao dịch ATC. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ với giá trị 19,58 tỷ đồng trên HOSE; mua ròng trên HNX với giá trị 90,95 tỷ đồng, trong đó mua ròng khá đột biến ở cổ phiếu IDC.

Thị trường đón nhận thông tin Chính phủ vừa có công văn đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính tiếp tục giảm 2% thuế VAT trong 6 tháng đầu năm 2024 và giao Bộ Tài chính khẩn trương tổng hợp nội dung đề xuất trình Quốc hội và giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định trong thời gian giữa 2 kỳ họp Quốc hội nếu tình hình kinh tế và doanh nghiệp vẫn còn khó khăn vào Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Rất nhiều cổ phiếu trong các nhóm ngành chịu áp lực bán cuối phiên và kết thúc giảm hết biên độ, trong đó nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp chiếm tỉ lệ lớn với DTD (-9,90%), KBC (-6,97%), SZC (-6,92%), VGC (-6,89%), LHG (-6,86%), TIP (-6,52%)...

Các cổ phiếu hóa chất, phân bón, thủy sản, nông nghiệp nhiều mã cũng bất ngờ chịu áp lực bán đột biến trong phiên ATC, nhiều mã giảm hết biên độ như DGC (-6,91%), CSV (-6,91%)... DCM (-6,88%), DPM (-5,21%)... ANV (-7,00%), IDI (-6,81%)... DBC (-6,46%), LSS (-4,07%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí sau giai đoạn có diễn biến tích cực, nổi bật so với thị trường chung, cũng bất ngờ chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng với PVC (-9,52%), PVT (-6,98%), PVP (-6,65%), PVS (-6,63%), PVD (-5,92%)... ngoại trừ PDV (+2,65%) tăng giá.

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến kém tích cực tương tự khi chịu áp lực bán cuối phiên, tuy nhiên thanh khoản giảm dưới mức trung bình, nhiều mã vẫn giảm hết biên độ như CEO (-7,32%), CII (-6,92%), VPH (-6,91%), DIG (-6,82%), TCH (-6,45%)... Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến tích cực hơn với áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản ở mức thấp như TPB (-1,79%), OCB (-1,56%), MSB (-1,46%), VAB (-1,37%)... ngoài các mã tăng giá, thanh khoản cải thiện với VPB (+0,89%), HDB (+0,86%), NAB (+0,75%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 11,6 điểm (-1,01%), mức chênh lệch âm -6,13 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 15,03% so với phiên trước, khối lượng mở OI giảm. Cho thấy các vị thế bán đầu cơ trong phiên gia tăng trở lại. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -5,43 điểm đến -6,93 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn thu hẹp và đảo ngược, cho thấy các trader vẫn kém lạc quan với VN30 và kỳ vọng VN30 sẽ ít biến động nhiều trong những phiên đến khi kỳ hạn VN30F2310 sẽ đáo hạn trong ngày 19/10/2023.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường bất ngờ quay đầu giảm điểm mạnh vào cuối phiên và chốt phiên giao dịch Vn-Index giảm -19,77 điểm (-1,73%), đóng cửa ở 1.121,65 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, VnIndex vẫn gặp khó khăn trước ngưỡng cản ngắn hạn và đang quay trở lại kiểm định vùng đáy 1.100 điểm. Nếu Vn-Index dừng đà giảm và có tín hiệu hồi phục trong các phiên tới thì có thể kỳ vọng vào việc mô hình đáy W sẽ được xác lập và đáy dạng này có độ tin cậy hơn đáy chữ V. Phiên hôm nay Vnindex bất ngờ giảm mạnh nhưng chúng tôi cho rằng xu hướng hồi phục chưa kết thúc và thị trường sẽ còn có những nỗ lực phục hồi nếu đà giảm của VnIndex dừng lại trong các phiên tới.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ 1.150 điểm và 1.135 điểm và hồi phục yếu xác nhận xu hướng uptrend của thị trường đã kết thúc, thị trường sẽ vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại và thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Nền tảng gốc tích lũy của uptrend vừa qua là khá tốt do đó chúng tôi kỳ vọng quá trình hình thành nền mới dù kéo dài nhưng sẽ chặt chẽ để tạo uptrend tiếp theo, vùng hình thành nền tích lũy mới rất có thể trong khoảng 1.100 điểm - 1.250 điểm.

Uptrend trung hạn đã xác nhận kết thúc, thị trường cần vận động chặt chẽ lại để hình thành nền mới. Với nhà đầu tư ngắn hạn, Vn-Index đang test lại đáy điều chỉnh và có thể hình thành đáy W nên nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao có thể tham gia nếu Vn-Index kiểm định thành công đáy cũ và có tín hiệu phục hồi lại. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại do khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

17/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVP	14.75	13-14	17.5-18.2	12	4.8	8.3%	228.5%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	49.00	46-48	57-59	43	7.5	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.40	18.5-20	24-25	17.5	18.4	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	30.70	28-29.5	34-35	27	7.0	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	38.20	38-38.7	44-46	35	6.0	-26.1%	-92.4%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	35.5	25.9	35-37	33	36.9%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	74.8	72.95	87-89	78	2.5%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	21.1	21.7	26-28	20	-2.6%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	44.5	45	61-63	43	-1.1%	Nắm giữ
13/10/23	PVP	14.8	14.85	18.2-19	14.5	-0.7%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Chính phủ đồng ý giảm 2% thuế VAT trong 6 tháng đầu năm 2024**

Bộ Tài chính cho biết, Văn phòng Chính phủ đã có công văn về đề xuất giảm thuế VAT 6 tháng đầu năm 2024. Theo đó, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính giảm 2% thuế VAT trong 6 tháng đầu năm 2024. Bộ Tài chính ước tính việc thực hiện chính sách giảm thuế VAT 2% trong 6 tháng đầu năm 2024 dự kiến sẽ giảm thu Ngân sách Nhà nước khoảng 25.000 tỷ đồng. Trước đó trong năm 2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đã đề ra giải pháp giảm thuế VAT 2% đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất VAT 10% từ ngày 01/2/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Lợi nhuận khối doanh nghiệp FDI sụt giảm, gần 54% số doanh nghiệp báo lỗ

Chia sẻ về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI) tại Hội nghị gặp mặt cộng đồng doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, với chủ đề “Đồng hành và phát triển” vừa được tổ chức, Thứ trưởng Bộ Tài chính Cao Anh Tuấn cho biết năm 2022, có 28.963 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 3,27% số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Đến thời điểm hiện nay, theo ghi nhận của Bộ Tài chính, 92% doanh nghiệp đã nộp báo cáo tài chính. Thống kê từ Bộ Tài chính cho thấy lợi nhuận sau thuế khối doanh nghiệp FDI năm 2022 đạt 386.673 tỷ đồng, giảm 2,1% so với năm 2021. Cùng với đó, có tới 53,83% doanh nghiệp FDI báo lỗ, cao hơn tỷ lệ bình quân chung...

Ngân hàng Nhà nước gợi ý mời nhà đầu tư nước ngoài xử lý ngân hàng yếu kém

Tại hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài mới đây, ông Phạm Thanh Hà, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bày tỏ hoan nghênh nếu các nhà đầu tư nước ngoài tham gia xử lý các ngân hàng yếu kém... Tại hội nghị, ông Minh Đỗ, Giám đốc Quốc gia Quỹ đầu tư Warburg Pincus, kiến nghị Chính phủ xem xét tháo gỡ vấn đề huy động vốn cho các ngân hàng Việt Nam để duy trì tăng trưởng tín dụng ở mức cần thiết bằng cách tăng giới hạn sở hữu nước ngoài (room ngoại). Về vấn đề này, Phó Thống đốc Phạm Thanh Hà nhắc lại quy định hiện hành cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tối đa 30% một tổ chức tín dụng trong nước.

World Bank sẽ cho Việt Nam vay 5 - 7 tỷ USD để xây dựng hạ tầng giao thông

Thông tin tại buổi làm việc giữa Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (GTVT) Nguyễn Văn Thắng và World Bank (WB) tại Việt Nam, bà Carolyn Turk Giám đốc WB cho biết, Thủ tướng đã đề nghị WB trong 3 năm tới cho Việt Nam vay 5-7 tỷ USD đầu tư các dự án hạ tầng giao thông, đặc biệt là cho đường sắt, đường cao tốc, đường quốc lộ và hạ tầng giao thông đô thị lớn. Vì vậy, WB mong muốn Bộ GTVT đề xuất cụ thể đầu tư cho dự án nào, kế hoạch có thể triển khai ra sao để có thể thực hiện được trong khung thời gian mà Thủ tướng đã nêu.

**TIN DOANH NGHIỆP**

FPT ghi nhận doanh thu 9 tháng xấp xỉ 1,5 tỷ USD

CTCP FPT (FPT - sàn HOSE) cho biết, 9 tháng, Công ty ghi nhận doanh thu 37.927 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 6.768 tỷ đồng, lần lượt tăng 22,4% và 19,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khối Công nghệ ghi nhận doanh thu 22.517 tỷ đồng, tăng trưởng 25,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đóng góp bởi đà tăng trưởng mạnh mẽ từ mảng Dịch vụ công nghệ thông tin nước ngoài (tăng trưởng 30,8%). 9 tháng năm 2023, FPT ghi nhận nhiều đơn hàng lớn từ thị trường nước ngoài, trong đó có 20 dự án với quy mô trên 5 triệu USD, doanh thu ký mới đạt 20.700 tỷ đồng (tăng trưởng 23,2% so với cùng kỳ).

VPBank báo lãi trước thuế riêng lẻ 9 tháng đầu năm gần 11 nghìn tỷ đồng, FE Credit bắt đầu có lợi nhuận trở lại

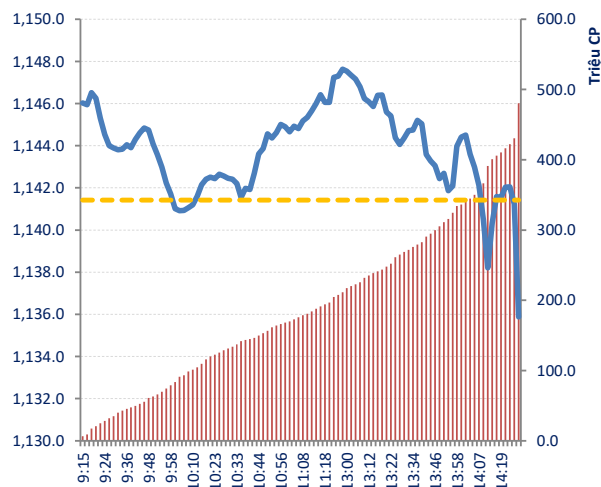
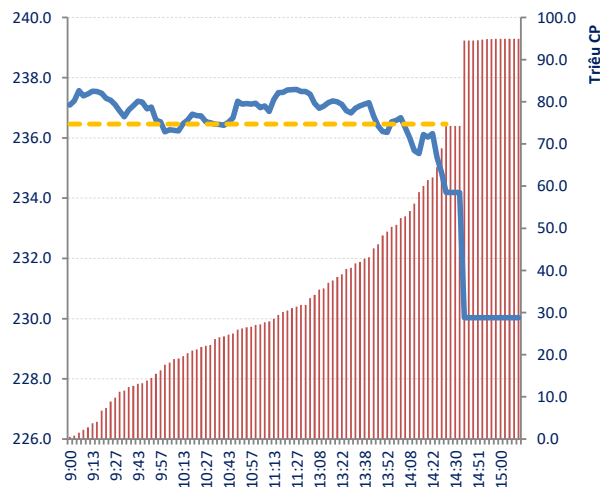
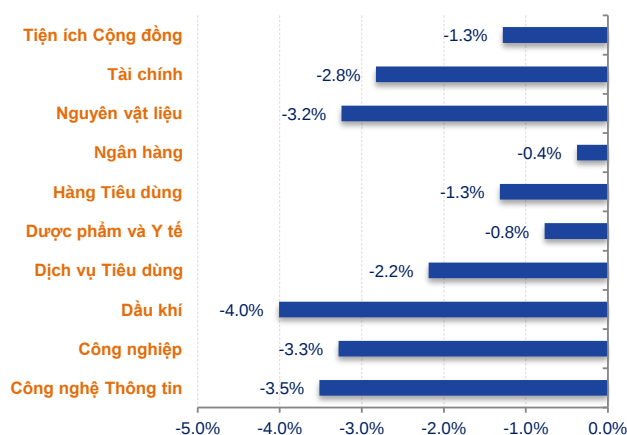
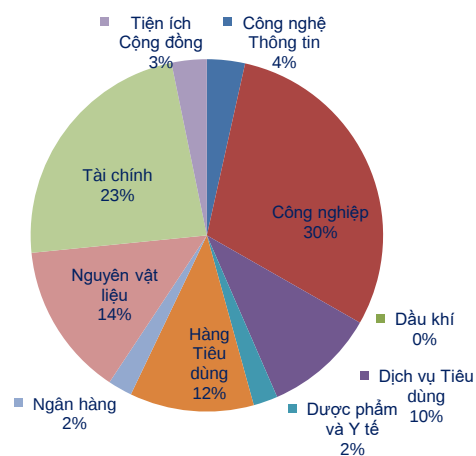
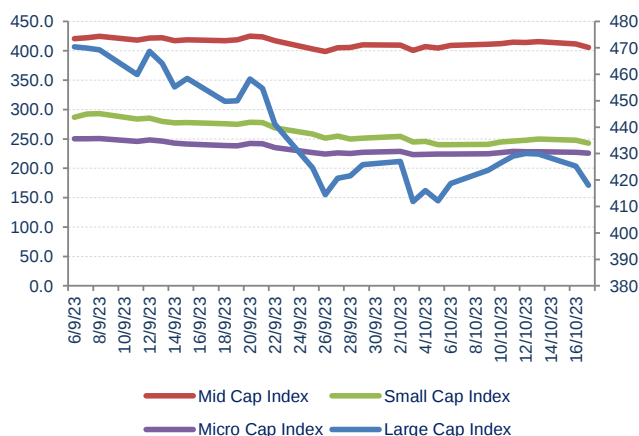
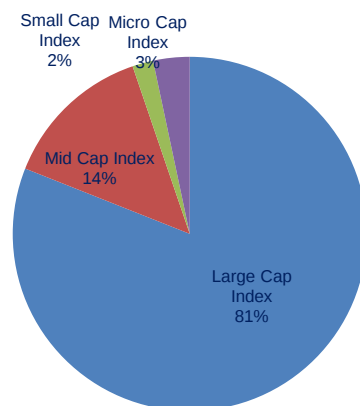
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2023 với kết quả kinh doanh khả quan của ngân hàng mẹ. Các công ty thành viên cũng đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận dương trong quý 3. Cụ thể, dư nợ tín dụng của ngân hàng mẹ đến cuối quý 3/2023 tăng hơn 22% so với đầu năm, đạt hơn 488 nghìn tỷ đồng. Mức tăng trưởng tại ngân hàng đang cao hơn nhiều lần so với mức tăng trưởng trung bình ngành 6,9% tới cuối tháng 9. Đáng chú ý, tín dụng trong quý 3 đã tăng 8% so với quý liền trước.

Dệt may Thành Công (TCM) ước lãi 105 tỷ đồng trong quý III, chưa đủ đơn hàng cho cuối năm

Dệt may Thành Công (TCM) cho biết chưa nhận đủ đơn hàng cho cuối năm và chưa hoạt động tối đa công suất. Hiện tại, công ty đã nhận đơn hàng cho quý I/2024. CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (Mã: TCM) công bố ước tính kết quả kinh doanh tháng 9/2023 với doanh thu 13,65 triệu USD (329 tỷ đồng), giảm 10% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế giảm 24% xuống 724.000 USD (17 tỷ đồng). Tính tổng trong quý III, doanh thu của Dệt may Thành Công ước đạt 936 tỷ đồng doanh thu, giảm 24% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế khoảng 105 tỷ đồng tăng 14% so với quý III/2022.

Nhiệt điện Hải Phòng (HND) lãi 192 tỷ đồng trong quý III/2023, gấp 4,7 lần cùng kỳ

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (mã chứng khoán HND - UPCoM) mới công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2023. Trong quý III, doanh thu thuần doanh nghiệp đạt 2.884 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Do giá vốn cũng giảm 11% xuống 2.631 tỷ đồng dẫn tới lợi nhuận gộp doanh nghiệp tăng 138% so với cùng kỳ, đạt 253 tỷ đồng. Công ty cho biết, mặc dù sản lượng quý III năm 2023 lớn hơn cùng kỳ 100 triệu kWh, tuy nhiên do giá than giảm dẫn đến giá Pc giảm làm giảm doanh thu. Những yếu tố trên đã giúp lợi nhuận sau thuế quý III/2023 của Nhiệt điện Hải Phòng đạt 192 tỷ đồng, gấp 4,7 lần cùng kỳ năm ngoái.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	4,729,300	VPB	3,842,556	1	IDC	1,395,600	NVB	50,000
2	VND	1,237,660	VHM	2,987,738	2	NRC	414,000	EID	30,000
3	VIX	1,231,210	HPG	1,946,863	3	PVS	313,600	VIG	15,600
4	SSI	1,171,600	EIB	979,400	4	SHS	144,700	PCG	6,330
5	SHB	721,000	HDB	945,222	5	TNG	92,004	MAC	5,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	22.50	22.70	↑ 0.89%	28,839,901	SHS	17.70	16.20	↓ -8.47%	27,620,360
VIX	15.30	14.30	↓ -6.54%	21,891,200	PVS	40.70	38.00	↓ -6.63%	8,830,331
SSI	32.10	31.45	↓ -2.02%	20,096,600	IDC	51.10	50.00	↓ -2.15%	7,071,699
VND	20.95	20.00	↓ -4.53%	18,842,000	CEO	20.50	19.00	↓ -7.32%	5,554,165
STB	30.20	30.00	↓ -0.66%	15,770,403	NRC	5.20	5.40	↑ 3.85%	5,477,862

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HSL	8.77	9.38	0.61	↑ 6.96%	BXH	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%
KPF	5.91	6.32	0.41	↑ 6.94%	PPY	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
YBM	7.95	8.50	0.55	↑ 6.92%	PPE	12.20	13.40	1.20	↑ 9.84%
SMA	8.26	8.83	0.57	↑ 6.90%	NBP	12.70	13.90	1.20	↑ 9.45%
TLD	5.09	5.44	0.35	↑ 6.88%	VTC	8.80	9.60	0.80	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ANV	39.30	36.55	-2.75	↓ -7.00%	VIG	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
VCG	25.00	23.25	-1.75	↓ -7.00%	DTD	30.30	27.30	-3.00	↓ -9.90%
PVT	30.10	28.00	-2.10	↓ -6.98%	SDG	17.20	15.50	-1.70	↓ -9.88%
HCM	30.15	28.05	-2.10	↓ -6.97%	HCT	10.20	9.20	-1.00	↓ -9.80%
KBC	33.00	30.70	-2.30	↓ -6.97%	BBS	11.50	10.40	-1.10	↓ -9.57%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	28,839,901	11.1%	1,728	13.0	1.4
VIX	21,891,200	7.0%	839	18.2	1.2
SSI	20,096,600	7.3%	1,093	29.4	2.2
VND	18,842,000	3.9%	466	45.0	1.7
STB	15,770,403	17.2%	3,601	8.4	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	27,620,360	4.3%	507	34.9	1.5
PVS	8,830,331	7.2%	1,953	20.8	1.5
IDC	7,071,699	20.7%	3,969	12.9	2.7
CEO	5,554,165	7.7%	891	23.0	1.4
NRC	5,477,862	-5.9%	(788)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HSL	↑ 7.0%	2.8%	339	25.9	0.7
KPF	↑ 6.9%	9.2%	1,175	5.0	0.4
YBM	↑ 6.9%	7.4%	901	8.8	0.7
SMA	↑ 6.9%	4.8%	533	15.5	0.8
TLD	↑ 6.9%	0.9%	94	54.0	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BXH	↑ 9.9%	3.7%	673	23.9	0.9
PPY	↑ 9.9%	10.7%	1,743	5.2	0.6
PPE	↑ 9.8%	19.7%	932	13.1	2.2
NBP	↑ 9.4%	8.5%	1,774	7.2	0.6
VTC	↑ 9.1%	-10.8%	(1,936)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	4,729,300	17.2%	3,601	8.4	1.4
VND	1,237,660	3.9%	466	45.0	1.7
VIX	1,231,210	7.0%	839	18.2	1.2
SSI	1,171,600	7.3%	1,093	29.4	2.2
SHB	721,000	17.7%	2,183	4.9	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,395,600	20.7%	3,969	12.9	2.7
NRC	414,000	-5.9%	(788)	-	0.4
PVS	313,600	7.2%	1,953	20.8	1.5
SHS	144,700	4.3%	507	34.9	1.5
TNG	92,004	15.5%	2,372	8.7	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	481,221	23.0%	5,797	14.9	2.7
BID	210,688	19.0%	4,025	10.3	1.8
GAS	199,587	20.3%	5,567	15.6	2.5
VHM	198,341	29.1%	10,341	4.4	1.2
VIC	171,627	3.9%	1,395	32.3	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	21,242	1.3%	121	197.3	2.1
PVS	19,453	7.2%	1,953	20.8	1.5
IDC	16,863	20.7%	3,969	12.9	2.7
SHS	14,393	4.3%	507	34.9	1.5
THD	13,860	2.9%	458	78.5	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.83	-0.4%	(63)	-	0.7
AGM	3.48	-50.2%	(10,382)	-	0.5
PIT	3.19	0.5%	45	193.2	1.1
LDG	2.87	-5.5%	(693)	-	0.3
GEX	2.85	1.6%	385	56.4	0.9

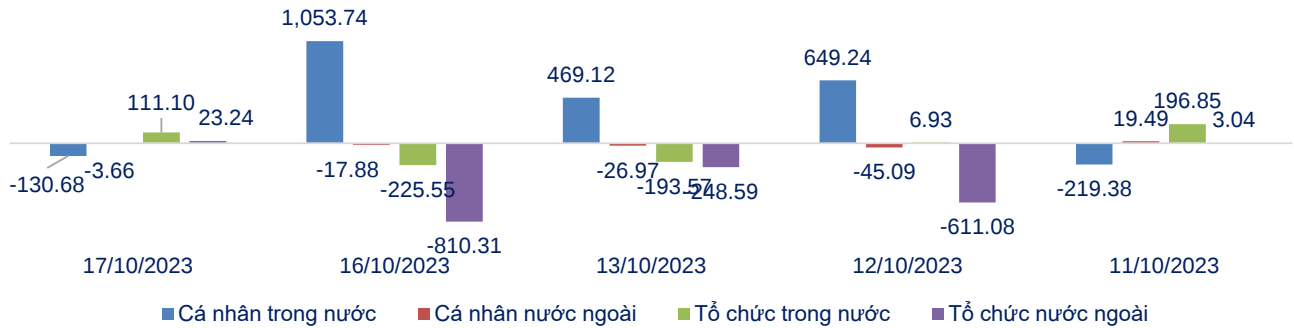
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.90	6.2%	682	33.1	2.0
VC2	2.79	3.9%	553	20.1	0.8
AAV	2.68	-1.4%	(169)	-	0.4
HBS	2.64	3.2%	392	20.9	0.7
IDJ	2.55	5.8%	656	9.1	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	134.52	29.1%	10,341	4.4	1.2
VSC	45.96	5.8%	1,370	19.6	1.0
HPG	35.58	-2.0%	(328)	-	1.5
FIR	26.49	7.5%	864	26.8	1.7
MWG	23.65	6.6%	1,069	45.5	3.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-59.67	17.2%	3,601	8.4	1.4
SSI	-42.47	7.3%	1,093	29.4	2.2
DGC	-28.84	36.6%	10,780	9.0	3.1
DCM	-27.56	21.5%	4,286	8.6	1.8
PVD	-25.52	1.8%	449	64.0	1.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	10.75	22.3%	3,496	5.2	1.0
DGC	2.19	36.6%	10,780	9.0	3.1
HAH	0.98	20.6%	5,583	7.1	0.9
PC1	0.92	3.7%	944	34.0	1.2
TV2	0.82	5.0%	1,004	40.7	2.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-8.56	-2.0%	(328)	-	1.5
VRE	-4.24	10.6%	1,588	16.8	1.8
SSI	-3.93	7.3%	1,093	29.4	2.2
VPB	-2.31	11.1%	1,728	13.0	1.4
MWG	-2.21	6.6%	1,069	45.5	3.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	76.97	11.1%	1,728	13.0	1.4
EIB	35.99	12.2%	1,462	11.8	1.2
DCM	25.33	21.5%	4,286	8.6	1.8
ACB	22.58	24.1%	4,506	5.0	1.4
PVD	18.41	1.8%	449	64.0	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-84.22	17.2%	3,601	8.4	1.4
VSC	-46.29	5.8%	1,370	19.6	1.0
FIR	-26.73	7.5%	864	26.8	1.7
VCI	-9.75	5.0%	783	52.2	2.4
PC1	-8.79	3.7%	944	34.0	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	143.88	17.2%	3,601	8.4	1.4
SSI	42.00	7.3%	1,093	29.4	2.2
VND	26.01	3.9%	466	45.0	1.7
DGC	20.20	36.6%	10,780	9.0	3.1
VIX	18.43	7.0%	839	18.2	1.2

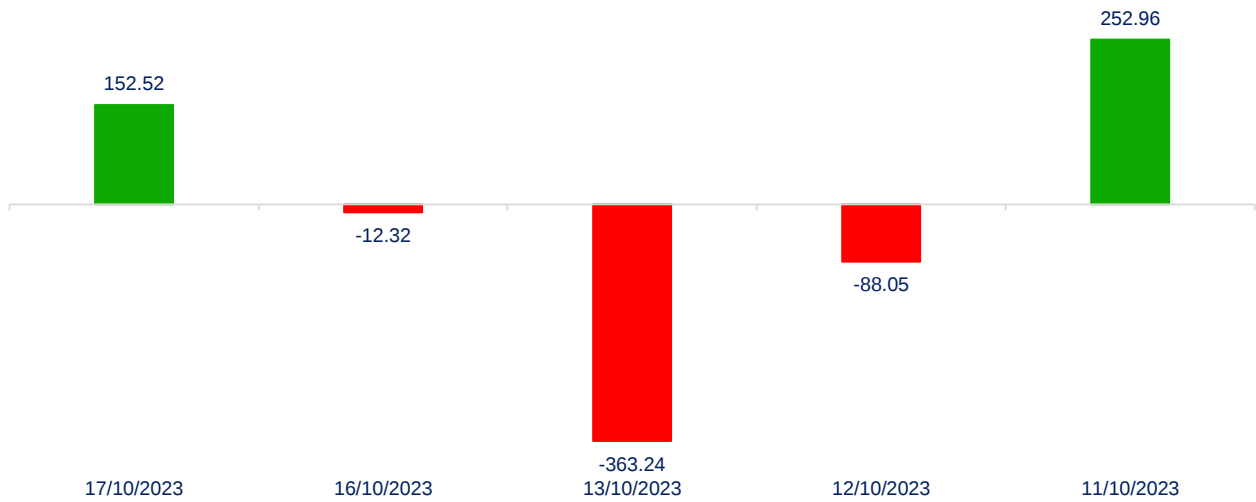
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-137.40	29.1%	10,341	4.4	1.2
VPB	-84.17	11.1%	1,728	13.0	1.4
HPG	-40.32	-2.0%	(328)	-	1.5
MWG	-29.59	6.6%	1,069	45.5	3.1
GAS	-17.44	20.3%	5,567	15.6	2.5

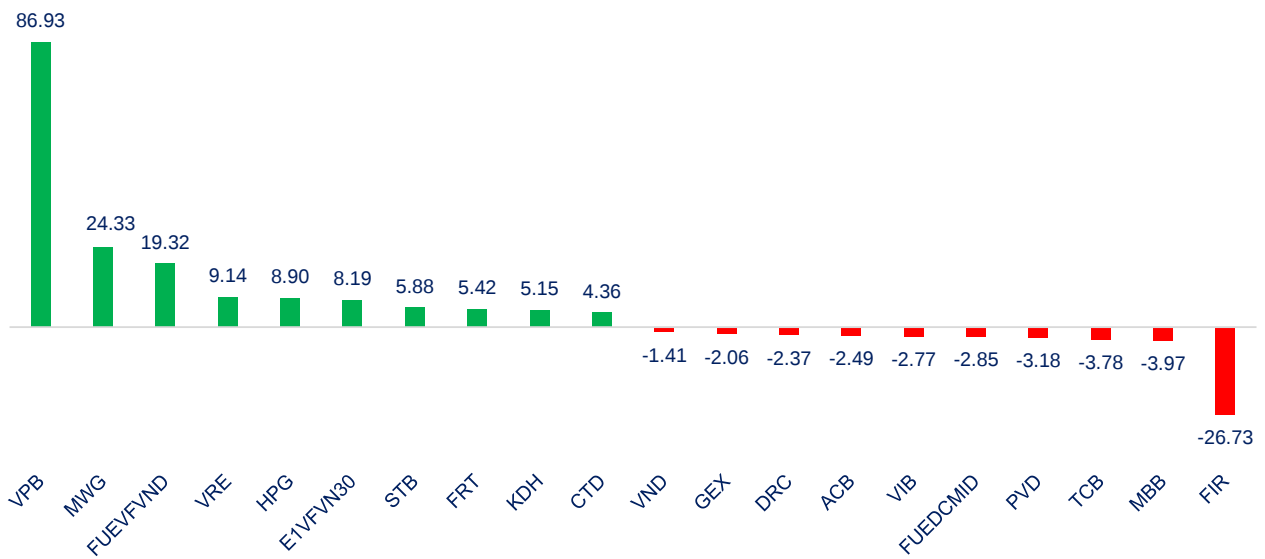


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn